



GIÁO DỤC QUỐC TẾ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC – ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
115 Hai Bà Trưng, Quận I - TPHCM, ĐT: 8355100 - Fax: 8393883, Email: ciecerc@hcm.vnn.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Để giúp các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục, các nhà giáo, sinh viên đại học sư phạm có thêm thông tin về tình hình phát triển giáo dục hiện nay ở các nước trên thế giới, bên cạnh “Bản tin giáo dục” (ra mỗi tháng 2 kỳ), bắt đầu từ tháng 1/2002, Viện Nghiên cứu Giáo dục tổ chức biên soạn thêm bản tin **Tài liệu tham khảo “Giáo dục quốc tế”** bao gồm một số bài viết về các vấn đề quan trọng và có tính thời sự đang đặt ra cho giáo dục ở các nước, được trình bày dưới dạng những bài tổng thuật, lược thuật hay dịch từ nguyên tác.

Trung tâm Nghiên cứu & Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế thuộc Viện NCGD là đơn vị được giao thực hiện bản tin này. Chúng tôi mong nhận được sự cộng tác và ý kiến đóng góp của bạn đọc để không ngừng nâng cao chất lượng của bản tin.

GIAN LẬN TRONG GIÁO DỤC NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA

Thật ra, vấn đề gian lận trong giáo dục không phải là “đặc sản” của riêng một nước nào, mà nhìn từ góc độ lịch sử cũng như hiện đại, nó mang dấu ấn chung của nhiều hệ thống giáo dục khác nhau, ở phương Đông cũng như phương Tây. Nhất là trong thời đại hiện nay, hiện tượng gian lận trong giáo dục cũng mang tính phổ quát và toàn cầu hóa như bất cứ một hiện tượng kinh tế hoặc văn hóa nào khác.



Theo nhận định và số liệu từ một bài báo có nhan đề là “Is Rampant Cheating Undermining Our Schools?” đăng trong

tạp chí Newsweek (số ra ngày 27-3-2006), trong thập kỷ vừa qua, ở khắp nơi trên thế giới, từ Bắc Kinh cho đến Boston, tỉ lệ gian lận trong học đường đã tăng lên với tốc độ của tên lửa. Chỉ tính riêng ở Hoa Kỳ, trong một cuộc điều tra – nghiên cứu của trường đại học Duke với đối tượng khảo sát là 50.000 sinh viên trường Cao đẳng và 18.000 học sinh trung học, người ta đã nhận được một kết quả khá “kinh hoàng” là có đến hơn 70% thừa nhận đã từng có hành vi gian lận trong giáo dục dưới nhiều hình thức khác nhau (Tỉ lệ này là 26% năm 1963 và 56% năm 1993). Riêng đối với hình thức đạo văn trên mạng Internet, “tỉ lệ tăng trưởng” cũng đạt gấp bốn lần trong sáu năm vừa qua.

Tình hình ở bên Anh cũng không sáng sủa gì hơn. Một báo cáo gần đây cho thấy mức độ gian lận trong một số các kỳ thi cũng đã “phát triển” đến mức Bộ trưởng Giáo dục Ruth Kelly đã phải kêu gọi thực hiện một sự sửa đổi toàn diện về vấn đề này trước năm 2008. Cứu theo cơn lốc gian lận này, một số các nước thuộc loại hàng đầu của Châu Á cũng rơi vào tình trạng đáng buồn này khi mà ở Trung Quốc, chỉ mới năm ngoái thôi, cảnh sát Trung Quốc đã phát hiện và đập tan một tổ chức có qui mô hoạt động to lớn, sẵn sàng cử “chuyên gia” đi thi hộ cho các thí sinh nếu có yêu cầu. Tổ chức này đã nhận được số tiền trên 200.000 đô la từ gần 1000 thí sinh ở khắp 19 tỉnh thành của đất nước. Ấn Độ cũng tỏ ra không kém cạnh khi mà nạn đánh cắp và GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

mua bán đề thi xảy ra ngày càng phổ biến, và chỉ trong năm 2004, các thí sinh phải trả tới 15.000 đô la để tiếp cận các bài giải đáp cho phần thi trắc nghiệm liên quan đến các trường y khoa. Những kẻ phạm tội đã bỏ túi một số tiền lên đến cả triệu đô la. Năm 2005, Hàn Quốc cũng phải đối phó với một xì căn đan gian lận thi cử thuộc loại lớn nhất trong lịch sử của mình khi người ta phát giác ra chỉ trong một kỳ thi vào trường cao đẳng quốc gia đã có đến hơn 20 cú điện thoại gửi vào phòng thi các đáp án đã được chuẩn bị sẵn từ bên ngoài...

Nói chung, những hiện tượng gian lận nói trên xảy ra một cách dai dẳng và phổ biến đến mức ở nơi này hoặc nơi khác nó được chấp nhận như một chuẩn mực xã hội thông thường và thậm chí những kẻ thực hiện hành vi gian lận này không hề tự ý thức rằng mình chính là một kẻ gian lận thực sự. Trong cái thế giới mà sự “thành công” và “thắng lợi” thường đến với những kẻ ưa thích trò gian lận như vậy thì những người học hành và thi cử nghiêm chỉnh bỗng thấy mình thiệt thòi và luôn sống trong tâm trạng tự “xét lại” sự lương thiện của mình và cứ thế cái vòng gian lận giáo dục cứ tiếp tục mở rộng ra, đến nỗi có một tác giả đã gọi đây là một thứ “văn hóa gian lận” (The Cheating Culture) bên cạnh những thứ văn hóa tiêu cực khác mà con người đã “lỡ” sáng tạo ra trên cuộc hành trình văn minh của mình.

Đi tìm nguyên nhân của vấn đề:

Vì sao, giáo dục, với tư cách là một trong những thiết chế có chức năng cao quý là tạo ra sự lương thiện của con người, lại “góp phần” ngày càng nhiều vào việc phát sinh những hành vi tiêu cực nói trên?

Trước hết, phải nói rằng sự tiến bộ của khoa học – kỹ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đã tạo điều kiện dễ dàng cho những ai muốn chơi trò chơi gian lận trong nhà trường. Kỹ thuật càng phát triển tinh vi chừng nào thì trò chơi gian lận càng trở nên tinh xảo chừng nấy, và có thể nói, với sự tiến bộ kỹ thuật này, một thứ “công nghệ gian lận” đã được hình thành một cách bài bản và có tổ chức với qui mô ngày càng lớn! Từ một hành vi gian lận đơn giản là đánh cắp hoặc mua với cái giá rẻ bằng một bữa ăn trưa những dữ liệu trên các trang web cho đến việc sử dụng các thao tác kỹ thuật tương đối cao cấp hơn như truyền tải hình ảnh hoặc sao chép toàn bộ nội dung đề thi bằng các thiết bị điện thoại di động và MP3, tất cả đều được phát huy đến mức tối đa lợi thế về kỹ thuật này.

Tất nhiên không thể quy kết sự tiến bộ công nghệ là thủ phạm chính của các hành vi gian lận nói trên mà cần phải tìm nguyên nhân thực sự từ những yếu tố khác, lĩnh vực khác. Theo ý kiến của tác giả bài viết trong tạp chí Newsweek nói trên, thủ phạm thực sự chính là sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và thái quá không chỉ trong phạm vi một nước mà còn trên cả bình diện quốc tế. Khi lực lượng GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

lao động ngày càng trở nên đông đúc hơn và số lượng sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng, đại học ngày càng tăng cao, thì không phải bất cứ bằng tốt nghiệp nào mà chỉ những bằng tốt nghiệp xuất sắc hoặc thuộc vào loại “top” mới được xem là một bảo đảm chắc chắn dẫn tới sự thành công trong việc tìm kiếm một việc làm thích hợp. Nếu cách đây 35 năm chỉ có 11% số người Mỹ tốt nghiệp thì hiện nay con số đó đã lên đến một phần ba. Còn ở Cộng đồng Châu Âu, số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học đã vọt lên đến 30% chỉ trong vòng 5 năm qua. Ở Châu Á, nơi mà thành tích học tập được đo lường bằng kết quả của các bài thi trắc nghiệm, chỉ một sự khác biệt khoảng 0,1% trong bài làm giữa các thí sinh cũng đủ quyết định ai được vào đại học và ai đành phải đứng ngoài. Điều đó cũng tạo ra một áp lực ghê gớm và đôi khi không kém phần tàn bạo đối với các thí sinh.

Chắc chắn rằng mức độ cạnh tranh khốc liệt nói trên đã giữ một vai trò quan trọng trong việc biến người học thành những kẻ gian lận có hoặc không có ý thức. Nhưng từ đó mà cho rằng cạnh tranh là thủ phạm chính và thực sự của các hành vi tiêu cực thì không thỏa đáng và chính xác cho lắm. Phải tìm nguyên nhân thực sự ở nơi khác, và các nhà xã hội học đã có lý khi cho rằng sự phổ biến tràn lan các hành vi “bất lương học đường” (school dishonesty) này đã phản ánh được thái độ của nền văn hóa

xã hội nói chung, nơi mà các hình thức gian lận thường được phát triển rất đa dạng, tinh vi, dễ dàng được chấp nhận như một “phương thức ứng xử” thông thường, thậm chí còn được ca ngợi, tán phục! Đối với nhiều người, sự lừa đảo, gian lận trong thương mại, kinh doanh và trong mối quan hệ giữa con người với con người nói chung là một “qui luật tất yếu”, và ngay cả trong một lãnh vực thường đòi hỏi một tinh thần liêm trực và công chính rất cao như lãnh vực nghiên cứu khoa học, sự lừa đảo vẫn có thể xảy ra một cách dễ dàng (như sự lừa đảo của nhà khoa học Hàn Quốc Hwang Woo Suk trong các công trình nghiên cứu về tế bào gốc).

Trong một cuộc điều tra do Viện đạo đức học Joseph thực hiện đối với 25.000 học sinh trung học ở Mỹ, có đến gần một nửa đã đồng ý chấp nhận gian lận khi cho rằng “để đạt đến thành công, đôi khi con người cần phải nói dối hoặc gian lận”. Ở Úc, cuộc điều tra mới nhất của trường đại học Griffith cũng cho một kết quả tương tự: Khoảng 40% số người được hỏi đều cho rằng những chuyện bê bối trong giáo dục chỉ là “chuyện nhỏ”, không đáng quan tâm!

Sở dĩ có một não trạng đáng buồn như thế có lẽ do xã hội hiện nay quá chú ý và nhấn mạnh đến yếu tố thành công, thành đạt hơn là những yếu tố có tính chất nhân văn khác. Nếu đặt hai nền văn hóa khác biệt nhau (mặc dù liên quan với nhau rất mật thiết) là **văn hóa thành đạt**

và **văn hóa thành nhân** lên bàn cân thì rõ ràng là cán cân luôn nghiêng về phía “văn hóa thành đạt” và để đạt tới mục tiêu của nền văn hóa này, người ta sẵn sàng làm bất cứ điều gì với bất cứ giá nào với lời biện hộ: cứu cánh biện minh cho phương tiện! Trong khi đó, giữa hai nền văn hóa này thực sự không có một sự mâu thuẫn đối kháng nào: một nền văn hóa thực sự gọi là “thành đạt” khi nó được thực hiện bằng con đường thành nhân chứ không phải bằng bất cứ con đường nào khác. Về mặt thực tiễn, văn hóa thành đạt, cùng với con đẻ của nó là văn hóa cạnh tranh, đang là dòng chủ lưu của đời sống xã hội hiện nay.

Làm thế nào để phục hồi sự liêm chính giáo dục:

Khái niệm “liêm chính giáo dục” (educational integrity) là một khái niệm đã có từ lâu, đặc biệt trong các nền giáo dục cổ đại. Đó là một trong những khái niệm giáo dục quan trọng nhất đã từng được đề cao, xiển dương và cũng đã rất nhiều lần bị lãng quên, thậm chí là bị coi thường, xem nhẹ. Và nay, khi làn sóng gian lận dâng cao và có nguy cơ làm xói mòn các nền giáo dục trên thế giới, người ta bắt đầu đề cập trở lại vấn đề “liêm chính giáo dục”, một khái niệm cơ bản nhất trong tất cả các khái niệm cơ bản của giáo dục. (Ở Mỹ, giáo sư Don McCabe của trường đại học Duke là người sáng lập một trung tâm nghiên cứu đặc biệt về vấn đề này gọi là

“Center for Academic Integrity”). Có thể nói, cùng với một số “tiêu chí” khác sự gian lận trong học hành và thi cử là một trong những thước đo chính xác nhất về mức độ liêm chính của một nền giáo dục. Để phục hồi sự liêm chính này, có rất nhiều việc cần phải làm, trong đó việc làm đầu tiên là phải đưa ra những biện pháp có hiệu quả để chặn đứng và chấm dứt các hành vi gian lận và tiêu cực khác.

Giải pháp đầu tiên có thể được thực hiện ngay liên quan đến các vấn đề về kỹ thuật. Để chống lại các loại “công nghệ gian lận” đã được hiện đại hóa, người ta sử dụng nhiều biện pháp kỹ thuật tối tân khác nhau để dò tìm và phát hiện các hành vi gian lận này. Trong tương lai, các kỳ thi quan trọng sẽ được thực hiện trong những phòng được bảo vệ chặt chẽ và được trang bị bằng các phương tiện hiện đại như các máy nhận dạng bằng kỹ thuật sinh trắc, các máy định vị tần số vô tuyến ... Cách ra đề thi, trong đó phần lớn là các đề thi trắc nghiệm, cũng sẽ được thay đổi triệt để khiến nạn quay cóp, sao chép không có đất tồn tại đồng thời cũng để phát huy tính sáng tạo độc lập của người học.

Ngoài ra, các giải pháp khác cũng được áp dụng như tăng mức hình phạt lên cho các hành vi gian lận, giáo dục răn đe hoặc trực tiếp phỏng vấn thay vì sử dụng các đề thi theo lối cũ ...

Nhìn chung, những giải pháp nói trên chỉ mới đụng đến vấn đề ở phần ngọn chứ chưa có khả năng giải quyết

vấn đề ở tận gốc rễ của nó. Mà nói đến gốc rễ của vấn đề không thể không đề cập đến những khuyết tật nằm ngay chính bên trong nền giáo dục mà con em chúng ta đang được thừa hưởng. Để truy tìm nguyên nhân của sự tha hóa trong giáo dục, chúng ta không thể chỉ tìm kiếm nơi các yếu tố thuộc về lãnh vực văn hóa, xã hội mà còn cần phải xét lại ngay chính bản thân nền giáo dục đang lưu hành trong nhà trường và cần phải tự hỏi một cách thật nghiêm túc nền giáo dục đó đã làm gì và đã đào tạo con em chúng ta thành những người như thế nào. Phải chăng những hành vi gian lận và tiêu cực đang phổ biến khắp nơi chỉ là hậu quả tất yếu của một nền giáo dục bất toàn, bị hiểu sai và thực hiện sai?

Trả lời thỏa đáng những câu hỏi trên quả là một điều không dễ dàng nhưng ít nhất chúng ta cũng biết rằng nền giáo dục hiện nay thường chỉ nhấn mạnh vào các giá trị thứ yếu, có thể giúp chúng ta thông thạo một vài lĩnh vực kiến thức nhưng lại ít có khả năng đề cập đến cuộc sống và con người trong toàn bộ ý nghĩa sâu xa nhất của nó. Như nhận định của các nhà triết học, giáo dục không chỉ là vấn đề đào tạo trí não, và “Dù kiến thức và năng lực là điều cần thiết, nhưng nếu quá nhấn mạnh vào chúng thì chỉ dẫn đến xung đột và hỗn loạn” (Krishnamurti).

Để có được một nền giáo dục thực sự trong sạch và không gian lận, có rất nhiều điều cần phải làm, trong đó

điều có ý nghĩa cơ bản và quan trọng nhất là xây dựng và phát triển một triết lý giáo dục mới không chỉ tương thích với nhu

cầu và sự vận động của thế giới hiện đại mà còn phù hợp với những giá trị sâu xa nhất của con người và cuộc sống.

TS. Nguyễn Ngọc Thanh Tổng thuật

Nguồn:

- *Emily Flynn Vencat: “is Rampant Cheating Undermining Our Schools?”*
(*News week*, 27-3-2006)
- *Chân dung những nhà cải cách giáo dục trên thế giới (tài liệu của UNESCO, 2005)*

ĐẠO ĐỨC GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở HOA KỲ

Với tư cách là một thành viên của cùng một cộng đồng học thuật, các thành viên của một trường đại học đều phải có trách nhiệm nắm vững các nguyên tắc đạo đức liên quan đến các vấn đề như tự do học thuật (academic freedom), sự liêm chính tri thức (intellectual integrity) và sự đối xử công bằng, tôn trọng lẫn nhau. Trong những vấn đề vừa nêu, khái niệm “tự do học thuật” chiếm giữ một vị trí trung tâm trong môi trường trí tuệ – đạo đức của các trường đại học. Trong bản tuyên bố 1940 về các nguyên tắc tự do học thuật, Hiệp hội các Giáo sư Đại học Hoa Kỳ (AAUP) nhấn mạnh: “Khái niệm ‘tự do học thuật’ áp dụng chung cho cả hai lãnh vực dạy học và nghiên cứu. Tự do trong lãnh vực nghiên cứu là một điều có ý nghĩa cơ bản để thúc đẩy sự tiến bộ của chân lý và sự tự do trong lãnh vực dạy học cũng là một điều có ý nghĩa cơ

GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

bản trong việc bảo hộ các quyền của người dạy cũng như của người học” (Tr.3). Khái niệm “liêm chính tri thức” bao hàm việc sử dụng các phương pháp lành mạnh, có tính chất đạo đức và coi trọng danh dự trong quá trình học tập, tìm kiếm cũng như truyền bá tri thức. Nguyên tắc người dạy và người học phải đối xử công bằng và tôn trọng lẫn nhau được áp dụng không chỉ áp dụng trong mối quan hệ tương tác giữa người dạy và người học mà còn đối với cả các thành viên khác của trường đại học như nhân viên hành chánh, quản trị. Sự đối xử công bằng và tôn trọng lẫn nhau cũng mở rộng ra nhiều lãnh vực khác như đánh giá công việc học tập của sinh viên cũng như công trình nghiên cứu của các đồng nghiệp trong trường đại học.

Những nguyên tắc đạo đức nhằm hướng dẫn hành vi của giới chức đã được

phản ánh trong bộ các tiêu chuẩn về đạo đức đã được nêu lên trong các tài liệu của các hiệp hội giáo chức đại học, như tài liệu “Bản tuyên bố về đạo đức của giáo chức (1987)” do Hiệp hội các giáo sư đại học Hoa Kỳ xuất bản. Những nguyên tắc đạo đức này cũng được trình bày trong các bộ luật về đạo đức do các hiệp hội chuyên môn xuất bản như Hội Hóa học Hoa Kỳ, Hội Tâm lý học Hoa Kỳ, Hội Xã hội học Hoa Kỳ, và Hội Ngôn ngữ hiện đại. Ngoài ra, các loại sách hướng dẫn và cẩm nang của các trường cao đẳng và đại học cũng dành một phần để đề cập các tiêu chuẩn đạo đức liên quan đến hành vi của giới giáo chức. Các tiêu chuẩn đạo đức dành cho sinh viên có thể được tìm thấy trong các sách hướng dẫn chính thức dành cho sinh viên hoặc trong các tài liệu giới thiệu về các trường cao đẳng và đại học. Những tài liệu khác biệt này điều chia sẻ chung những niềm tin đạo đức nhằm hướng dẫn các hoạt động và hành vi của những người cùng tham gia.

NHỮNG QUI ĐỊNH DÀNH CHO GIÁO CHỨC

Những chuẩn mực đạo đức được qui định ở đây nêu rõ những hành vi nào được thực hiện cũng như hành động nào cần phải tránh.

Đạo văn: (Plagiarism)

Từ “Plagiarism” dùng ở đây có nghĩa là một người (nào đó) trình bày, giới thiệu những ý tưởng, ngôn từ hoặc dữ liệu của người khác như thể là của chính

mình. Tài liệu của Hiệp hội ngôn ngữ hiện đại (MLA) cho rằng: “Đạo văn có nghĩa là sử dụng ý tưởng hoặc cách diễn đạt của người khác mà không ghi rõ nguồn gốc xuất xứ của những ý tưởng hoặc lời diễn đạt nói trên”. Và “Hành vi đạo văn trắng trợn nhất là sử dụng lại câu văn của người khác gần như nguyên si và trình bày chúng như thể đó là lời văn của chính mình”. Mặc dù từ lâu các học giả đã thừa nhận tầm quan trọng của việc trích dẫn các tác phẩm đã hoặc chưa được xuất bản, những người tham gia vào quá trình dạy học và nghiên cứu ở đại học điều cho rằng những thông tin lấy từ nguồn gốc điện tử cần phải được xác tín một cách đúng đắn. Sự trích dẫn đúng đắn và hợp pháp sẽ giúp mọi người hiểu được vấn đề một cách đầy đủ, rõ ràng hơn theo đúng nguồn gốc và sự phát triển của chúng. Tất cả sẽ góp phần tạo ra một môi trường học thuật lành mạnh cũng như sự tín nhiệm lẫn nhau giữa những người đi tìm kiếm và những người truyền bá tri thức.

Thừa nhận sự đóng góp của người khác:

Trong phạm vi hoạt động của một trường đại học, sự đóng góp của các thành viên có thể diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau: hoàn thành một bản thảo về một vấn đề khoa học, tổ chức một cuộc triển lãm hoặc thực hiện một buổi hội thảo hay trình diễn nào đó. Sự thừa nhận ở đây có thể được thể hiện hoặc gắn liền với sự ban cấp một chứng chỉ có liên

quan. Tùy theo sự đóng góp của từng người mà sự công nhận có thể được biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, từ thấp đến cao.

Tôn trọng tính chuẩn xác của các dữ kiện:

Nhà nghiên cứu có bốn phận làm sáng tỏ nguồn gốc xuất xứ của những dữ kiện, số liệu được trình bày trong công trình khoa học của mình, đồng thời cũng miêu tả một cách chính xác phương pháp được sử dụng để thu thập số liệu và dữ kiện đó. Những hành vi như “chế tác số liệu” hoặc “làm giả dữ kiện” đều được xem là những hành vi xâm phạm đến các tiêu chuẩn đạo đức. Trong khi “chế tác” được xem là hành vi có tính chất “nhào nặn các dữ liệu hoặc các kết quả nghiên cứu” thì hành vi “làm giả” lại có ý nghĩa là “thay đổi hoặc báo cáo sai những dữ liệu và kết quả nghiên cứu”. Cả hai hành vi này đều tác động tiêu cực đến quá trình nghiên cứu, tìm tòi tri thức và chân lý khoa học, đồng thời làm xói mòn niềm tin cả bên trong lẫn bên ngoài cộng đồng khoa học.

Xung đột lợi ích:

Những công trình nghiên cứu ở đại học do các công ty tài trợ thường có khả năng dẫn đến tình trạng mà trong đó sự xung đột lợi ích có thể xảy ra. Chẳng hạn như những nhà nghiên cứu có thể bị áp lực phải tiến hành một cuộc nghiên cứu theo cách thức làm lệch đi kết quả nghiên cứu để phù hợp với ước muốn của nhà tài

trợ, hoặc những nhà nghiên cứu này có thể làm lợi cho nhà tài trợ. Đặc biệt trong lĩnh vực y sinh, những cuộc nghiên cứu ở đây có ích không chỉ giới hạn trong các dự án nghiên cứu do các công ty tài trợ, mà sự xung đột này còn có khả năng xảy ra cả trong các dự án nghiên cứu do chính phủ tài trợ. Các tổ chức phi lợi nhuận và các nhóm xã hội khác nhau cũng có khả năng đặt các nhà nghiên cứu vào trong những tình huống khó có thể điều hành công tác nghiên cứu một cách không thiên lệch. Các nhà nghiên cứu phải công khai tiết lộ các nguồn tài trợ của mình cũng như nói rõ ý định và mục đích nghiên cứu, đồng thời cũng phải tiến hành nghiên cứu theo một cách thức như thế nào cho phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức. Ở đại học, các học giả không được để các nguồn tài trợ cũng như mục tiêu của các nhà tài trợ làm che mờ sự phán xét về mặt chuyên môn khoa học của mình.

Sự quấy rối:

Hình thức quấy rối được bàn đến thường xuyên nhất là sự quấy rối tình dục. Về vấn đề này, trong bản Tuyên bố của mình, Hiệp hội các giáo sư đại học Hoa Kỳ đã nhấn mạnh: “Bất cứ một thành viên nào của cộng đồng học thuật cũng không được phép quấy rối tình dục người khác” (tr.209). Chính sách này áp dụng cho tất cả mọi người, từ người dạy học cho đến sinh viên, nhân viên, người phục vụ và nhà quản trị. Hiệp hội xã hội học Hoa Kỳ cho rằng “Quấy rối tình dục là một khái niệm bao gồm các hành vi

như mời mọc, khiêu khích có chủ ý hoặc có những lời nói có tính chất tình dục rõ ràng”. Một số loại quấy rối tình dục mang tính chất “có đi có lại” theo đó người quấy rối tình dục thường hứa hẹn sẽ “trả công” cho nạn nhân của mình bằng một lợi ích nào đó ở tương lai, chẳng hạn như một số điểm cao hoặc được bổ nhiệm vào một vị trí nào đó. Những hành vi khác, như tạo ra một môi trường làm việc không tiện nghi hoặc có tính chất thù địch cũng được xem là hành vi quấy rối tình dục. Ở Hoa Kỳ, vấn đề quấy rối tình dục đã được đề cập đến trong nhiều văn bản của các trường đại học hoặc của các hiệp hội chuyên môn, trong đó có cả những tài liệu chỉ dẫn cách phải đối phó như thế nào trong các trường hợp xảy ra quấy rối người khác về các phương tiện liên quan đến đời tư hoặc các đặc trưng tự nhiên như chủng tộc, tuổi tác, tôn giáo, nguồn gốc quốc tịch, khuynh hướng tình dục và cả sự khuyết tật. . .

Bất kể là những hành vi quấy rối nào, nạn nhân của những hành vi này đều có thể tham khảo ý kiến từ các nhân viên hữu trách của trường đại học về các biện pháp đối phó trong những tình huống như vậy.

Đánh giá công bằng và tránh các hành vi phân biệt

Trong công việc của mình, các thành viên của cộng đồng học thuật không được phép có các hoạt động hay hành vi phân biệt về các khía cạnh như tuổi tác, giới tính, chủng tộc, quốc tịch, GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

khuynh hướng tình dục, khuyết tật, địa vị xã hội hoặc bất cứ một vấn đề nào khác bị luật pháp nghiêm cấm. Về phương diện tuyển dụng, những thành viên của cộng đồng học thuật cũng không được phép phân biệt trong các vấn đề liên quan đến thuê mướn, khuyến khích lao động, đồng lương, đối xử hoặc bất cứ điều kiện tuyển dụng hoặc phát triển nghề nghiệp nào khác. Ngoài ra, những giáo sư nào nhận nhiệm vụ trong các lãnh vực như biên tập, duyệt xét văn bản, những khuyến nghị trợ cấp hoặc những công việc phụ trợ khác có liên quan trong lãnh vực học thuật, cũng cần phải có thái độ đánh giá những tài liệu, văn bản này một cách công bằng, khách quan, chuyên nghiệp và đúng lúc. Những tiêu chuẩn này cũng được áp dụng vào việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Trong môi trường đại học, sinh viên cần phải tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho việc học tập cũng như cho việc đối xử công bằng ở hầu hết các khía cạnh khác nhau trong mối quan hệ giữa người dạy và người học.

NHỮNG QUI ĐỊNH DÀNH CHO SINH VIÊN

Về phía sinh viên, những nguyên tắc đạo đức tổng quát cũng được áp dụng giống như cho các nhân viên giảng huấn. Sự lương thiện về mặt học thuật cũng như sự lêm chính tri thức là những yếu tố trọng tâm trong quá trình giáo dục ở đại học. Hai nguyên tắc đạo đức chính này được áp dụng vào trong các lãnh vực liên quan đến học thuật, bao gồm các báo cáo

khoa học, luận văn, bài tập, báo cáo thí nghiệm, các kỳ thi, các cuộc tranh tài về trí tuệ, các cuộc triển lãm, trình diễn và không chỉ giới hạn vào trong các lãnh vực này. Sinh viên hoàn toàn có thể tránh được tình trạng đạo văn bằng cách trích dẫn đúng đắn những nguồn gốc xuất xứ mà từ đó họ được cung cấp những ý tưởng, ngôn ngữ và dữ liệu để họ có thể trình bày trong các công trình học tập của mình. Nếu việc trích dẫn nguồn gốc xuất xứ không được thực hiện một cách cẩn thận và đúng đắn thì họ vẫn có thể bị xem là “đạo văn” mặc dù khái niệm “đánh cắp trí tuệ” ở đây không được vận dụng hay nghĩ tới. Ngoài ra, sinh viên cũng không được phép tham gia vào việc chế tác hoặc làm giả các dữ liệu, nguồn gốc xuất xứ hoặc kết quả học tập và nghiên cứu. Nếu các sinh viên cùng làm chung một dự án với nhau thì công việc

của những sinh viên này phải được đánh giá và thừa nhận một cách công bằng. Hơn nữa, sinh viên cũng không được tham gia vào các hoạt động hoặc công trình hợp tác không được cho phép chính thức, cũng như không được cho hoặc nhận sự giúp đỡ không thích hợp với công việc học tập của mình. Việc vi phạm những tiêu chuẩn đạo đức này sẽ là lý do cho các biện pháp và hành động chống lại sinh viên. Hoàn cảnh vi phạm các nguyên tắc đạo đức này cùng với các chuẩn mực và quy định của nhà trường sẽ có tác động và ảnh hưởng nhất định đến các biện pháp trừng phạt. Tùy theo từng hoàn cảnh vi phạm cụ thể mà các biện pháp chế tài, trừng phạt thích hợp được đề ra.

TS. Nguyễn Ngọc Thanh dịch

Nguồn: Encyclopedia of Education (V.2, 2003, P. 756 – 759)

ĐẠO ĐỨC VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Khi bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu về một vấn đề như “mục đích của giáo dục”, hầu như bất cứ một chủ thuyết triết lý giáo dục nào cũng đều tự đặt cho mình một số câu hỏi đại loại như “Bản chất một cuộc sống tốt đẹp là gì?”, “Loại xã hội nào có nhiều điều kiện và khả năng nhất để khuyến khích mọi người sống phù hợp với lý tưởng của mình?” hoặc những câu hỏi khác có ý nghĩa tương tự ... Tác phẩm “cộng hòa” của nhà triết học Hi Lạp GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

Platon là một thí dụ cổ điển về việc tra vấn và đặt ra những câu hỏi có ý nghĩa triết lý giáo dục như thế. Việc trả lời những câu hỏi này có thể góp phần tạo ra khuôn khổ lý thuyết nhằm xây dựng một cái nhìn toàn diện về giáo dục, một cái nhìn xuất phát từ cái mà Jonh Rawls gọi là một “chủ thuyết toàn diện” (comprehensive doctrine). Những câu hỏi này cũng có giá trị hướng dẫn trong lãnh vực thực tiễn dạy học của giáo viên.

Trong những xã hội được đặc trưng hóa bởi điều mà Rawls gọi là “chủ nghĩa đa nguyên bền vững” (durable pluralism), một cách tiếp cận giáo dục như thế thường gặp những khó khăn nghiêm trọng. Trong những xã hội như thế, các hệ thống giáo dục không thể bắt rễ vào trong một chủ thuyết có tính chất toàn diện, duy nhất mà lại không đối nghịch với những chủ trương học thuyết khác hoặc không giới hạn quyền tự trị của cá nhân.

Phải chăng những xã hội cam kết gắn bó với những giá trị dân chủ tự do cũng là những xã hội tôn trọng chủ nghĩa đa nguyên và quyền tự trị cá nhân trong khi đồng thời cũng nhấn mạnh đến sự sáng tạo của công dân. Trong tác phẩm “Democratic Education” (Giáo dục dân chủ) xuất bản năm 1987, Amy Gutmann cho rằng mục tiêu chủ yếu của nhà trường trong các xã hội dân chủ phải là phát triển nhân cách dân chủ (democratic character). Trong tác phẩm “Creating Citizens” (Đào tạo công dân 1997), Eamonn Callan lại cho rằng những xã hội nào cam kết tuân thủ các nguyên tắc tự do về bao dung và hợp lý phải cung cấp cho người học một nền giáo dục có khả năng đem đến cho họ sự hiểu biết cũng như tham gia tích cực và đồng cảm với mọi người trong nhiều lãnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Tuy nhiên, điều có thể tạo ra sự tranh luận là một nền giáo dục như thế phải chăng là không dung hợp với những người muốn truyền đạt cho con cháu của họ những cách sống khác. Một trong những vấn đề khó khăn đối với nhà trường trong các xã

GIÁO DỤC QUỐC TẾ (TÀI LIỆU THAM KHẢO)

hội tự do dân chủ là làm thế nào bảo đảm tôn trọng tính đa dạng trong khi vẫn duy trì tính phổ biến trong các hoạt động giáo dục của nhà trường nhằm tạo ra những công dân tốt cho xã hội.

Liên quan đến những vấn đề vừa trình bày trên, một khái niệm mới cũng đã được đưa ra. Đó là khái niệm “siêu đạo đức” (meta-ethics). Thay vì chú ý tập trung vào các quy định đạo đức có tính chất cụ thể, đặt thù, khái niệm “siêu đạo đức” lại chủ yếu quan tâm đến bản chất tổng quát của đạo đức. Có hai vấn đề có liên quan đến siêu đạo đức đang được đặt ra hiện nay là cuộc tranh luận về công bằng/ quan tâm (justice/caring debate) và quan điểm phê phán của chủ nghĩa hậu hiện đại đối với tính hiện đại.

Cuộc tranh luận về vấn đề công bằng/ quan tâm khởi phát từ luận điểm phê phán của Lawrence Kohlberg đối với các học giả thuộc phong trào nữ quyền (trong đó có Carol Gilligan) về vấn đề phát triển đạo đức. Kohlberg quan niệm công bằng là một khái niệm đạo đức có tính chất trung tâm. Trong khi đó Gilligan, trong tác phẩm “In a difference voice”, lại cho rằng tư duy đạo đức của người phụ nữ lại nhấn mạnh hơn đến sự quan tâm, chăm sóc. Những người ủng hộ quan điểm của Gilligan, như Nel Noddings chẳng hạn, đã phát triển khái niệm quan tâm này thành một quan điểm mạnh mẽ về đạo đức và giáo dục và cổ vũ tích cực cho một nền đạo đức quan tâm. Ở đầu thế kỷ 21 này, hai quan điểm đạo đức khác biệt nói trên

đã xích gần lại nhau hơn và cả hai đều được xem là những bộ phận không thể thiếu được của một nền đạo đức thích hợp. Một quan điểm siêu đạo đức thứ hai là chủ nghĩa hậu hiện đại. Mặc dù đây là một khái niệm rất phức tạp và đa dạng, song khi nói về “hậu hiện đại”, người ta thường gắn liền với khái niệm này một sự bất tín hoặc phủ nhận đối với tất cả đại tự sự (grand narratives). Về mặt khái niệm, “đại tự sự” chính là cái nhìn hay quan điểm có tính tổng quát và tác động đối với con người và xã hội nói chung. Theo cách hiểu như vậy, chủ nghĩa tự do hoặc chủ nghĩa xã hội chính là những thí dụ về đại tự sự. Những người theo chủ nghĩa hậu hiện đại thường cho rằng những “câu

chuyện” có tính chất đại tự sự như vậy thường tiêu biểu cho quan điểm của các nhóm người hoặc các thời đại khác nhau, và khi được xem là chân lý duy nhất thì những câu chuyện đại tự sự này lại có tính chất áp bức. Những kiểu phê bình theo quan điểm hậu hiện đại này thường tìm cách “giải cấu” những loại đại tự sự như thế bằng cách chỉ ra sự lệch lạc, tha hóa trong những “đại tự sự này cũng như chỉ ra việc đã phục vụ như thế nào quyền lợi của nhóm này trên cơ sở xâm hại đến quyền lợi của nhóm khác...

Kenneth A. Strike

TS. Nguyễn Ngọc Thanh dịch

*Nguồn: Ethics in School Teaching
(Encyclopedia of Education, 2003)*

Tư liệu tham khảo Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế mong nhận được sự cộng tác về bài vở, thông tin và nhận xét góp ý của cán bộ, giáo viên và sinh viên trong trường.

Mọi thư từ bài vở xin liên lạc:

**Trung tâm Nghiên cứu Giao lưu Văn hóa Giáo dục Quốc tế
Viện Nghiên cứu Giáo dục (Trường Đại học Sư phạm TPHCM)**

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5, TPHCM, Việt Nam

ĐT: 8355100 Fax: 8393883 E-mail: ciecer@hcm.vnn.vn

Website: www.ier.hcmup.edu.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: PGS. TS. Phạm Xuân Hậu

Biên tập: TS. Phạm Thị Ly

Trình bày: Dương Thị Anh Vi

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

